

NGHỊ QUYẾT

Về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về hình sự và xử lý kỷ luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhưng vì lợi ích chung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm, xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đúng người, đúng vi phạm, thể hiện sự nhân văn, khoan hồng của Đảng, Nhà nước; khuyến khích, bảo vệ người năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

2. Bảo đảm khách quan, toàn diện, xem xét kỹ vai trò, động cơ, mục đích của người vi phạm, bối cảnh lịch sử cụ thể, hậu quả thiệt hại, kết quả khắc phục hậu quả thiệt hại và hiệu quả về chính trị, kinh tế - xã hội để xử lý phù hợp.

3. Phân định rõ giữa trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm của pháp nhân với trách nhiệm của cá nhân; xử lý nghiêm hành vi tham nhũng; khoan hồng, giảm nhẹ các hành vi vi phạm nhưng vì lợi ích chung, không tham nhũng, đã chủ động khắc phục hậu quả thiệt hại; ưu tiên áp dụng các biện pháp kinh tế, dân sự, hành chính; xử lý hình sự là biện pháp cuối cùng.

4. Tách bạch giữa xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm với các giải pháp giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục hậu quả thiệt hại (nếu có) đối với dự án, công trình liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

5. Không áp dụng quy định của Nghị quyết này để xem xét lại bản án hình sự, quyết định xử lý kỷ luật đã có hiệu lực pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đối với các trường hợp đã bị xử lý hình sự, xử lý kỷ luật, nếu có đủ điều kiện thì được xem xét hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, miễn, giảm hình phạt, xóa án tích đối với trường hợp đã có bản án, miễn kỷ luật, chưa xem xét kỷ luật theo quy định của Nghị quyết này.

6. Xử lý nghiêm hành vi lợi dụng quy định của Nghị quyết này để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bao che hành vi vi phạm.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Không tham nhũng* là việc không thực hiện các hành vi tham nhũng được quy định trong Luật Phòng, chống tham nhũng, các tội phạm về tham nhũng được quy định trong Bộ luật Hình sự và được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật kết luận bằng văn bản.

2. *Vì lợi ích chung* là vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, cộng đồng, của ngành, lĩnh vực, địa phương, vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà không vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, không có động cơ vụ lợi.

3. *Hậu quả thiệt hại* do các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gây ra là hậu quả vật chất.

4. *Khắc phục hậu quả thiệt hại* là việc tổ chức, cá nhân vi phạm và tổ chức, cá nhân có lợi ích trực tiếp từ hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thực hiện bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại nhằm

bảo đảm lợi ích của Nhà nước, các bên liên quan; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân trong lợi ích tổng thể của quốc gia.

5. *Mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước* là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, tạo việc làm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

6. *Không có khiếu nại, tố cáo hoặc có khiếu nại, tố cáo nhưng đã được giải quyết dứt điểm theo quy định* là không phát sinh khiếu nại, tố cáo hợp lệ hoặc có phát sinh khiếu nại, tố cáo nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành thông báo chấm dứt thụ lý, giải quyết hoặc đã được giải quyết bằng văn bản đã có hiệu lực thuộc lĩnh vực tư pháp cho đến khi xem xét, xử lý vi phạm theo Nghị quyết này.

7. *Vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước* là hành vi của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong khu vực kinh tế nhà nước vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, vốn nhà nước và hoạt động kinh tế khác thuộc khu vực nhà nước gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước hoặc xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

8. *Vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế tư nhân* là hành vi của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân hoặc xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

9. *Vi phạm pháp luật trong ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số* là hành vi của tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gây thiệt hại về tài sản hoặc xâm phạm đến quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN KINH TẾ NHÀ NƯỚC, KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điều 5. Không truy cứu trách nhiệm hình sự

Cơ quan tiến hành tố tụng không truy cứu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Không tham nhũng;
2. Vì lợi ích chung;
3. Các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; ứng dụng khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã hoàn thành và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước;

4. Không có khiếu nại, tố cáo hoặc có khiếu nại, tố cáo nhưng đã được giải quyết dứt điểm theo quy định;

5. Không gây thất thoát, lãng phí tài sản. Trường hợp gây thất thoát, lãng phí tài sản thì đã khắc phục toàn bộ hậu quả thiệt hại.

Điều 6. Loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người gây thiệt hại trong ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1. Người nào gây thiệt hại do gặp rủi ro trong ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy định, áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa thì được loại trừ trách nhiệm hình sự.

2. Người nào trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao mà gây thiệt hại do ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thuộc trường hợp chưa có pháp luật điều chỉnh về quy trình, quy định thực hiện hoặc giữa các quy định của pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn nhưng xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, có cách làm đột phá, tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt thì được loại trừ trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Không tham nhũng;
- b) Vì lợi ích chung;
- c) Các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã hoàn thành và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Điều 7. Tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự

Cơ quan tiến hành tố tụng xem xét tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự để khắc phục hậu quả thiệt hại khi có đủ các điều kiện sau đây:

- 1. Vì lợi ích chung;
- 2. Có gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước nhưng không tham nhũng;
- 3. Các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đang thực hiện, chưa hoàn thành, chưa khắc phục được hậu quả thiệt hại do nguyên nhân khách quan nhưng vẫn có điều kiện, khả năng và bảo đảm tính khả thi để khắc phục, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước; có cam kết của tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục hậu quả thiệt hại.

Điều 8. Miễn trách nhiệm hình sự

Trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với trường hợp quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

Điều 9. Không khởi tố vụ án hình sự; tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án; tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra đối với bị can; tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án; tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo và hoãn phiên tòa

1. Trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 của Nghị quyết này thì Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

2. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6 hoặc Điều 8 của Nghị quyết này thì Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra; Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo.

3. Trường hợp có đủ căn cứ quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này, trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, quyết định tạm đình chỉ điều tra; trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; trong giai đoạn xét xử, Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo, hoãn phiên tòa.

Thời hạn tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo tối đa là 02 năm kể từ thời điểm ban hành quyết định và không tính vào thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Thời hạn hoãn phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Hết thời hạn tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo quy định tại khoản 3 Điều này thì cơ quan tiến hành tố tụng xử lý như sau:

a) Trường hợp đã khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, đình chỉ điều tra; Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo;

b) Trường hợp không khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự và căn cứ tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại, hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương, đất nước để quyết định giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

5. Trong thời gian tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện cam kết, tiến độ khắc phục hậu quả thiệt hại của tổ chức, cá nhân được tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp không khắc phục hoặc khắc phục hậu quả thiệt hại không theo tiến độ và phương án đã cam kết mà không có lý do chính đáng thì cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành các quyết định tạm đình chỉ quy định tại khoản 3 Điều này hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ để tiếp tục tiến hành thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Điều 10. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; miễn, giảm hình phạt tù; xóa án tích đối với trường hợp đã có bản án

1. Trường hợp đã có bản án của Tòa án nhưng chưa có quyết định thi hành án mà có đủ căn cứ quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này thì Tòa án ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù.

Thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù tối đa là 02 năm kể từ thời điểm ban hành quyết định, không tính vào thời hiệu thi hành bản án và thời gian chấp hành hình phạt.

2. Hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

a) Trường hợp đã khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì Tòa án quyết định miễn chấp hành hình phạt;

b) Trường hợp không khắc phục được hoặc khắc phục được một phần hậu quả thiệt hại thì Tòa án ra quyết định thi hành án, đồng thời căn cứ tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại để quyết định giảm mức hình phạt đã tuyên, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt.

3. Đối với người có hành vi vi phạm đáp ứng điều kiện thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 của Nghị quyết này mà đang chấp hành án phạt tù hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án phạt tù thì được miễn chấp hành hình phạt còn lại; trường hợp chưa chấp hành án phạt tù hoặc đang được hoãn thi hành án phạt tù thì được miễn chấp hành hình phạt.

4. Đối với người đang chấp hành hình phạt tù mà có đủ căn cứ quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này thì Tòa án quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù. Thời hạn tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù tối đa là 02 năm kể từ thời điểm ban hành quyết định, không tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

Hết thời hạn tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù quy định tại khoản này thì xử lý như sau:

a) Trường hợp đã khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì Tòa án quyết định miễn chấp hành thời hạn chấp hành án phạt còn lại và đương nhiên được xóa án tích;

b) Trường hợp không khắc phục được hoặc khắc phục được một phần hậu quả thiệt hại thì Tòa án ra quyết định tiếp tục thi hành án, đồng thời căn cứ tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại để quyết định giảm mức hình phạt đã tuyên, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt. Sau khi đã chấp hành xong bản án theo quy định, Tòa án xem xét quyết định giảm thời hạn xóa án tích.

5. Đối với người vi phạm đã chấp hành xong bản án và chưa được xóa án tích mà có đủ căn cứ quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 của Nghị quyết này thì được miễn thời gian thử thách và đương nhiên được xóa án tích.

6. Đối với người đang chấp hành án phạt tù có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này nhưng không có điều kiện để khắc phục hậu quả thiệt hại thì Tòa án xem xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù. Sau khi đã chấp hành xong bản án theo quy định, Tòa án xem xét quyết định giảm thời hạn xóa án tích.

7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự và pháp luật về thi hành án hình sự.

Điều 11. Quy định về xử lý kỷ luật người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức

1. Người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật theo quy định của pháp luật nhưng đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 của Nghị quyết này thì được xem xét miễn kỷ luật.

2. Người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật theo quy định của pháp luật nhưng đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này thì được xem xét chưa xử lý kỷ luật để khắc phục hậu quả thiệt hại. Thời hạn chưa xem xét xử lý kỷ luật tối đa là 02 năm, không tính vào thời hiệu xử lý kỷ luật.

3. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì xử lý như sau:

a) Trường hợp đã khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp không khắc phục được hoặc khắc phục được một phần hậu quả thiệt hại thì cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật, đồng thời căn cứ tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại để quyết định giảm nhẹ mức kỷ luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.
2. Nghị quyết này được thực hiện trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Sau thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành mà quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo, hoãn phiên tòa, hoãn chấp hành hình phạt, chưa xem xét kỷ luật theo quy định tại Nghị quyết này chưa hết thời hạn thì được tiếp tục thực hiện quy định của Nghị quyết này đến khi kết thúc.
3. Đối với các vi phạm của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân có liên quan đến đất đai thì áp dụng quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.
2. Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, cấp tỉnh khẩn trương rà soát, lập danh sách, báo cáo về các vụ việc, vụ án vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhưng vì lợi ích chung xảy ra trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, còn thời hiệu thi hành án phạt tù.

Người đứng đầu các cơ quan nêu trên chịu trách nhiệm toàn diện trong việc đánh giá tính hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã triển khai; khả năng, phương án, điều kiện khả thi để khắc phục và giám sát kết quả khắc phục hậu quả thiệt hại do các hành vi vi phạm gây ra làm căn cứ để áp dụng các chính sách quy định tại Nghị quyết này.
3. Cơ quan tiến hành tố tụng các cấp khẩn trương rà soát, lập danh sách, báo cáo về các vụ việc, vụ án, bản án có vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhưng vì lợi ích chung xảy ra trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, còn thời hiệu thi hành án phạt tù.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng, thẩm định, thẩm tra Nghị quyết này và tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết này được loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong xây dựng, thẩm định, thẩm tra, thực hiện Nghị quyết này được khen thưởng theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

5. Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết này định kỳ hằng năm và kết quả tổng kết khi kết thúc việc thực hiện Nghị quyết này.

6. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn